

Phụ lục 3**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT ÁP DỤNG CHO CÁC HOẠT ĐỘNG
KHUYẾN NÔNG - LĨNH VỰC THỦY SẢN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2025/QĐ-UBND ngày / /2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

STT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Mô hình nuôi cá trắm đen trong ao/hồ (quy mô 01 ha)				Căn cứ định mức theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 Bộ Nông nghiệp và PTNT
1.1	Định mức giống, vật tư				
	Giống (quy cách)	Gram/con	200-500	Con giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
	Mật độ	Con/m ²	1		
	Tỷ lệ sống đến thu hoạch	%	≥ 70		- Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 Bộ Nông nghiệp và PTNT
	Trọng lượng khi thu hoạch	Kg/con	≥ 1,5		- Áp dụng theo định mức của cá trắm cỏ
	Thức ăn (công nghiệp)		Hàm lượng Protein ≥25%	Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường); thời hạn sử dụng dưới 03 tháng	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
	Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	≤ 1.8		

	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành	
	Vật tư thiết yếu khác (dụng cụ kiểm tra bệnh, môi trường...)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
1.2	<i>Định mức máy móc, thiết bị</i>			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	1-2		
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	2-4		
3	Máy phát điện	Mô hình	2-4		
4	Hệ thống sục khí	Bộ	1-2		
5	Máy cho ăn tự động	Cái	3-4		
6	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	1-2		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét...				
1.3	<i>Định mức triển khai</i>				
	Thời gian triển khai	Tháng	≤ 12		
	Tập huấn (lần/điểm)	Lần	01(≤ 30 người/lớp)		
	Hội thảo tổng kết (cuộc/điểm)	Cuộc			
	Bảng mô hình (bảng/điểm)	Bảng	01		
	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Người	01 cán bộ/mô hình		
2	Mô hình nuôi cá trắm đen trong lồng/ bè (quy mô 500m³)				Căn cứ định mức theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 Bộ Nông nghiệp và PTNT.
2.1	<i>Định mức giống, vật tư</i>				
	Giống (quy cách)	Kg/con	0,8-1	Cá khỏe mạnh; có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo	

				quy định	
	Mật độ	Con/m ³	10-15		
	Tỷ lệ sống đến thu hoạch	%	≥70		- Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT - Áp dụng theo tỷ lệ sống của cá trầm cỏ
	Trọng lượng khi thu hoạch	Kg/con	≥3		
	Thức ăn (công nghiệp)		Hàm lượng Protein 38-45%	Hàm lượng protein (theo giai đoạn phát triển của cá); thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 03 tháng	
	Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	≤ 3.0		
	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành	
	Vật tư thiết yếu khác (testkis bệnh, môi trường..)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2.2	Định mức máy móc, thiết bị			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	2-3		
2	Hệ thống sục khí	Bộ	2-4		
3	Máy phát điện	Cái	1-2		
4	Hệ thống sục khí	Bộ	1-2		
5	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt...	Bộ	1-2		
6	Hệ thống lồng	Bộ		Theo quy trình hoặc tiến bộ kỹ thuật được công nhận hoặc chấp	

				thuận, phù hợp với quy mô dự án	
2.3	<i>Định mức triển khai</i>				
	Thời gian triển khai	Tháng	≤ 12		
	Tập huấn (lần/điểm)	Lần	01(≤ 30 người/lớp)		
	Hội thảo tổng kết (cuộc/điểm)	Cuộc	01		
	Bảng mô hình (bảng/điểm)	Bảng			
	CB chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	500m ³	01 cán bộ/mô hình		
3	Mô hình nuôi cá lóc bông trong lồng/ bè (quy mô 500m³)				Căn cứ định mức theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
3.1	<i>Định mức giống, vật tư</i>				
	Giống (quy cách)	Cm/con	≥ 8	Cá khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
	Mật độ	Con/m ³	130		
	Tỷ lệ sống đến thu hoạch	%	≥ 60		Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
	Trọng lượng khi thu hoạch	Kg/con	$\geq 0,5$		
	Thức ăn (Cá tạp) Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	Đảm bảo chất lượng ≤ 4.0	Đảm bảo chất lượng	
	Thức ăn (Công nghiệp) Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio,	FCR	Hàm lượng Protein 38-45% ≤ 1.8	Hàm lượng protein (theo giai đoạn phát triển của cá); Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT;	

	Feed Conversion Rate)			Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường...)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
3.2	Định mức máy móc, thiết bị			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	02-03		
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
5	Hệ thống lồng			Theo quy trình hoặc tiến bộ kỹ thuật được công nhận hoặc chấp thuận, phù hợp với quy mô dự án	
3.3	Định mức triển khai				
	Thời gian triển khai	Tháng	≤ 8		
	Tập huấn (lần/điểm)	Lần	01(≤ 30 người/lớp)		
	Hội thảo tổng kết (cuộc/điểm)	Cuộc	01		
	Bảng mô hình (bảng/điểm)	Bảng	01		
	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	500m ³	01 cán độ trên mô hình		
4	Mô hình nuôi cá Lóc bông trong ao/hồ (quy mô 01ha)				Căn cứ định mức theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
4.1	Định mức giống, vật tư				
	Giống (quy cách)	Cm/con	≥ 8	Cá khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	

	Mật độ	Con/m ²	10		
	Tỷ lệ sống đến thu hoạch	%	≥70		Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
	Trọng lượng khi thu hoạch	Kg/con	≥0,5		
	Thức ăn (Cá tạp) Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	Đảm bảo chất lượng ≤ 4.0	Đảm bảo chất lượng	
	Thức ăn (Công nghiệp) Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	Hàm lượng Protein 38-45% ≤ 1.8	Hàm lượng protein (theo giai đoạn phát triển của cá); Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng	
	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành	
	Vật tư thiết yếu khác (testkis bệnh, môi trường..)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
4.2	<i>Định mức máy móc, thiết bị</i>			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02		
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu..	Bộ	01 - 02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu hoạch cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				
4.3	<i>Định mức triển khai</i>				
	Thời gian triển khai	Tháng	≤ 8		

	Tập huấn (lần/điểm)	Lần	01(≤ 30 người/lớp)		
	Hội thảo tổng kết (cuộc/điểm)	Cuộc	01		
	Bảng mô hình (bảng/điểm)	Bảng	01		
	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	Ha	01 CB/MH		
5	Mô hình nuôi cá bống tượng trong ao/ hồ (quy mô 01ha)				Căn cứ định mức theo Quyết định số 726/QĐ- BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
5.1	Định mức giống, vật tư				
	Giống (quy cách)	Cm/con	≥ 10	Cá khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
	Mật độ	Con/m ²	2		
	Tỷ lệ sống đến thu hoạch	%	≥ 70		Quyết định số 3276/QĐ-BNN- KHCV ngày 24/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
	Trọng lượng khi thu hoạch	Kg/con	$\geq 0,4$		
	Thức ăn (Cá tạp) Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	≤ 9	Thức ăn cá tạp đảm bảo chất lượng.	
	Thức ăn (Công nghiệp) Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	Hàm lượng Protein 38- 45% ≤ 1.8	Hàm lượng protein (theo giai đoạn phát triển của cá); Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	

	Vật tư thiết yếu khác (dụng cụ kiểm tra bệnh, môi trường..)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
5.2	<i>Định mức máy móc, thiết bị</i>			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02		
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu.	Bộ	01 - 02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao.				
5.3	<i>Định mức triển khai</i>				
	Thời gian triển khai	Tháng	≤ 10		
	Tập huấn (lần/điểm)	Lần	01(≤ 30 người/lớp)		
	Hội thảo tổng kết (cuộc/điểm)	Cuộc	01		
	Bảng mô hình (bảng/điểm)	Bảng	01		
	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	Ha	01 cán bộ/mô hình		
6	Mô hình nuôi cá bông tượng trong bể/lồng bè (quy mô 500m³)			.	Căn cứ định mức theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
6.1	<i>Định mức giống, vật tư</i>				
	Giống (quy cách)	Cm/con	≥10	Cá khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.	
	Mật độ	Con/m ³	30		

	Tỷ lệ sống đến thu hoạch	%	≥ 60		Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
	Trọng lượng khi thu hoạch	Kg/con	$\geq 0,4$		
	Thức ăn (Cá tạp) Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	≤ 9.0	Thức ăn cá tạp đảm bảo chất lượng.	
	Thức ăn (Công nghiệp) Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	Hàm lượng Protein 38-45% ≤ 1.8	Hàm lượng protein (theo giai đoạn phát triển của cá); Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
	Vật tư thiết yếu khác (dụng cụ kiểm tra bệnh, môi trường...)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
6.2	<i>Định mức máy móc, thiết bị</i>			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02		
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: thuyền, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
6.3	<i>Định mức triển khai</i>				
	Thời gian triển khai	Tháng	≤ 10		
	Tập huấn (lần/điểm)	Lần	01(≤ 30 người/lớp)		
	Hội thảo tổng kết (cuộc/điểm)	Cuộc	01		
	Bảng mô hình (bảng/điểm)	Bảng	01		

	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	500m ³	01 cán bộ/mô hình		
7	Mô hình nuôi cá Thát lát trong lồng/ bè (quy mô 500m³)				Căn cứ định mức theo Quyết định 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
7.1	<i>Định mức giống, vật tư</i>				
	Giống (quy cách)	Cm/con	≥8	Cá khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
	Mật độ	Con/m ³	50		
	Tỷ lệ sống đến thu hoạch	%	≥70		Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
	Trọng lượng khi thu hoạch	Kg/con	≥0,2		
	Thức ăn (Công nghiệp) Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	≤ 2.0	Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
	Vật tư thiết yếu khác (dụng cụ kiểm tra bệnh, môi trường..)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
7.2	<i>Định mức máy móc, thiết bị</i>			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
1	Bơm, xịt nước	Bộ/mô hình	01-02		
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		

7.3	<i>Định mức triển khai</i>				
	Thời gian triển khai	Tháng	≤ 11		
	Tập huấn (lần/điểm)	Lần	01(≤ 30 người/lớp)		
	Hội thảo tổng kết (cuộc/điểm)	Cuộc	01		
	Bảng mô hình (bảng/điểm)	Bảng	01		
	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	500m ³	01 cán bộ/mô hình		
8	Mô hình nuôi cá Thát lát trong ao/hồ (quy mô 01ha)				Căn cứ định mức theo Quyết định 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
8.1	<i>Định mức giống, vật tư</i>				
	Giống (quy cách)	Cm/con	≥ 2	Cá khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
	Mật độ	Con/m ²	9		
	Tỷ lệ sống đến thu hoạch	%	≥ 70		Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
	Trọng lượng khi thu hoạch	Kg/con	$\geq 0,2$		
	Thức ăn (công nghiệp)		Hàm lượng Protein $\geq 20\%$	Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
	Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	≤ 3.5		
	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	

	Vật tư thiết yếu khác (dụng cụ kiểm tra bệnh, môi trường..)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
8.2	<i>Định mức máy móc, thiết bị</i>			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu,	Bộ	01 - 02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				
8.3	<i>Định mức triển khai</i>				
	Thời gian triển khai	Tháng	≤ 12		
	Tập huấn (lần/điểm)	Lần	01(≤ 30 người/lớp)		
	Hội thảo tổng kết (cuộc/điểm)	Cuộc	01		
	Bảng mô hình (bảng/điểm)	Bảng	01		
	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	Ha	01 cán bộ/mô hình		
9	Mô hình nuôi cá rô đồng trong ao/hồ (quy mô 01ha)				Căn cứ định mức theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
9.1	<i>Định mức giống, vật tư</i>				
	Giống (quy cách)	Cm/con	≥5,1	Cá khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
	Mật độ	Con/m ²	50		

	Tỷ lệ sống đến thu hoạch	%	≥ 80		Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
	Trọng lượng khi thu hoạch	Kg/con	$\geq 0,08$		
	Thức ăn (Công nghiệp)		Hàm lượng Protein $\geq 25\%$	Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
	Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	$\leq 2.0\text{kg}$		
	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
	Vật tư thiết yếu khác (dụng cụ kiểm tra bệnh, môi trường..)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
9.2	<i>Định mức máy móc, thiết bị</i>			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02		
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu,	Bộ	01 - 02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao.				
9.3	<i>Định mức triển khai</i>				
	Thời gian triển khai	Tháng	< 8		
	Tập huấn (lần/điểm)	Lần	01 (≤ 30 người/lớp)		
	Hội thảo tổng kết (cuộc/điểm)	Cuộc	01		

	Bảng mô hình (bảng/điểm)	Bảng	01		
	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	Ha	01 cán bộ/mô hình		
10	Mô hình nuôi Baba trong bể (quy mô 500m³)				Căn cứ định mức theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
10.1	Định mức giống, vật tư				
	Giống (quy cách)	Gram/con	≥100	Ba ba giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
	Mật độ	Con/m ³	2		
	Tỷ lệ sống đến thu hoạch	%	≥70		Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
	Trọng lượng khi thu hoạch	Kg/con	≥1,2		
	Thức ăn (Cá tạp) Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	≤ 10.0	Thức ăn cá tạp đảm bảo chất lượng.	
	- Thức ăn (Công nghiệp) - Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	Hàm lượng Protein 38-45% ≤ 1.8	Hàm lượng protein (theo giai đoạn phát triển của cá); Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
	Vật tư thiết yếu khác (dụng cụ kiểm tra bệnh, môi trường..)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	

10.2	<i>Định mức máy móc, thiết bị</i>			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	1-2		
2	Hệ thống sục khí	Bộ	2-4		
3	Máy phát điện	Mô hình	1-2		
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt...	Bộ	1-2		
5	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu sản phẩm, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao.				
10.3	<i>Định mức triển khai</i>				
	Thời gian triển khai	Tháng	18		
	Tập huấn (lần/điểm)	Lần	01(≤ 30 người/lớp)		
	Hội thảo tổng kết (cuộc/điểm)	Cuộc	01		
	Bảng mô hình (bảng/điểm)	Bảng	01		
	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	500m ³	01 cán bộ/mô hình		
11	Mô hình nuôi Éch trong bể/lồng bè (quy mô 500m³)				Căn cứ định mức theo QĐ 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
11.1	<i>Định mức giống, vật tư</i>				
	Giống (quy cách)	Gram/con	≥20	Éch giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
	Mật độ	Con/m ³	80		
	Tỷ lệ sống đến thu hoạch	%	≥55		Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
	Trọng lượng khi thu hoạch	Kg/con	≥0,3		

	Thức ăn (Công nghiệp)		Hàm lượng Protein $\geq 25\%$	Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng	
	Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	≤ 1.8		
	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
	Vật tư thiết yếu khác (dụng cụ kiểm tra bệnh, môi trường..)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
11.2	<i>Định mức máy móc, thiết bị</i>			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02		
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: Xô, chậu, vợt...	Bộ	01-02		
5	Hệ thống lồng				
11.3	<i>Định mức triển khai</i>				
	Thời gian triển khai	Tháng	≤ 6		
	Tập huấn (lần/điểm)	Lần	01 (≤ 30 người/lớp)		
	Hội thảo tổng kết (cuộc/điểm)	Cuộc	01		
	Bảng mô hình (bảng/điểm)	Bảng	01		
	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	500m ³	01 cán bộ/mô hình		
12	Mô hình nuôi cá rô phi/điều hồng trong lồng/ bè (quy mô 500m³)				Căn cứ định mức theo QĐ 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
12.1	<i>Định mức giống, vật tư</i>				

	Giống (quy cách)	Cm/con	≥ 6	Cá khỏe mạnh; Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận theo quy định.	
	Mật độ	Con/m ³	100		
	Tỷ lệ sống đến thu hoạch	%	≥ 70		Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
	Trọng lượng khi thu hoạch	Kg/con	$\geq 0,5$		
	Thức ăn (Công nghiệp)		Hàm lượng Protein $\geq 24\%$	Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
	Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	≤ 1.8		
	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
	Vật tư thiết yếu khác (dụng cụ kiểm tra bệnh, môi trường..)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
12.2	<i>Định mức máy móc, thiết bị</i>			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
1	Bơm, xịt nước	Bộ/ mô hình	01-02		
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt.	Bộ	01-02		
5	Hệ thống lồng			Theo quy trình/TBKT được công nhận/ chấp thuận, phù hợp với quy mô dự án	
12.3	<i>Định mức triển khai</i>				
	Thời gian triển khai	Tháng	7		

	Tập huấn (lần/điểm)	Lần	01(≤ 30 người/lớp)		
	Hội thảo tổng kết (cuộc/điểm)	Cuộc	01		
	Bảng mô hình (bảng/điểm)	Bảng	01		
	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	500m ³	01 cán bộ/mô hình		
13	Mô hình nuôi cá Rô phi/điều hồng thâm canh trong ao/hồ (quy mô 01ha)				Căn cứ định mức theo QĐ 726/QĐ-BNN- KN ngày 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
13.1	<i>Định mức giống, vật tư</i>				
	Giống (quy cách)	Gram/con	≥ 7	Cá khỏe mạnh; Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.	
	Mật độ	Con/m ²	5-7		
	Tỷ lệ sống đến thu hoạch	%	≥ 70		Quyết định số 3276/QĐ-BNN- KHCV ngày 24/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
	Trọng lượng khi thu hoạch	Kg/con	$\geq 0,5$		
	Thức ăn (Công nghiệp)		Hàm lượng Protein $\geq 28\%$	Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
	Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	≤ 1.3		
	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường..)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
13.2	<i>Định mức máy móc, thiết bị</i>			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	

1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02		
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu...	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao.				
13.3	<i>Định mức triển khai</i>				
	Thời gian triển khai	Tháng	≤ 8		
	Tập huấn (lần/điểm)	Lần	01(≤ 30 người/lớp)		
	Hội thảo tổng kết (cuộc/điểm)	Cuộc	01		
	Bảng mô hình (bảng/điểm)	Bảng	01		
	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	Ha	01 cán bộ/mô hình		
14	Mô hình nuôi cá rô phi/điều hồng bán thâm canh trong ao/hồ (quy mô 01ha)				Căn cứ định mức theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
14.1	<i>Định mức giống, vật tư</i>				
	Giống (quy cách)	Gram/con	≥ 5	Cá khỏe mạnh; Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.	
	Mật độ	Con/m ²	2,5		
	Tỷ lệ sống đến thu hoạch	%	≥ 70		Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
	Trọng lượng khi thu hoạch	Kg/con	$\geq 0,4$		

	Thức ăn (Công nghiệp)		Hàm lượng Protein $\geq 24\%$	Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng ≤ 3 tháng.	
	Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	≤ 1.5		
	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
	Vật tư thiết yếu khác (testkis bệnh, môi trường..)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
14.2	<i>Định mức máy móc, thiết bị</i>			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02		
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu...	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao.				
14.3	<i>Định mức triển khai</i>				
	Thời gian triển khai	Tháng	≤ 8		
	Tập huấn (lần/điểm)	Lần	01(≤ 30 người/lớp)		
	Hội thảo tổng kết (cuộc/điểm)	Cuộc	01		
	Bảng mô hình (bảng/điểm)	Bảng	01		
	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	Ha	01 CB/MH		
15	Mô hình nuôi cá Trắm cỏ trong				Căn cứ định mức theo Quyết

	lồng/ bè (quy mô 500m³)				định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
15.1	Định mức giống, vật tư				
	Giống (quy cách)	Gram/con	300-500	Cá khỏe mạnh; Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.	
	Mật độ	Con/m ³	20-30		
	Tỷ lệ sống đến thu hoạch	%	≥70		Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
	Trọng lượng khi thu hoạch	Kg/con	≥0,6		
	Thức ăn (Xanh)		Đảm bảo chất lượng	Đảm bảo chất lượng; Kích cỡ phù hợp giai đoạn phát triển của cá.	
	Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	≤ 45		
	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
	Vật tư thiết yếu khác (dụng cụ kiểm tra bệnh, môi trường..)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
15.2	Định mức máy móc, thiết bị			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02		
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu.	Bộ	01-02		

7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao.				
15.3	Định mức triển khai				
	Thời gian triển khai	Tháng	≤10		
	Tập huấn (lần/điểm)	Lần	01(≤ 30 người/lớp)		
	Hội thảo tổng kết (cuộc/điểm)	Cuộc	01		
	Bảng mô hình (bảng/điểm)	Bảng	01		
	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	500m ³	01 cán bộ/mô hình		
16	Mô hình nuôi ghép cá Trắm cỏ là chính trong ao/hồ (quy mô 01ha)				Căn cứ định mức theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 Bộ Nông nghiệp và PTNT
16.1	Định mức giống, vật tư				
	Giống (quy cách)	Cm/con	Tỷ lệ ghép cá trắm cỏ ≥ 50%	Cá khỏe mạnh; Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.	
	Mật độ	Con/m ²	2,5		
	Tỷ lệ sống đến thu hoạch	%	≥70		Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
	Trọng lượng khi thu hoạch	Kg/con	≥0,6		
	Thức ăn (Công nghiệp)		Hàm lượng Protein ≥24%	Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
	Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	≤ 1.2		

	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
	Vật tư thiết yếu khác (dụng cụ kiểm tra bệnh, môi trường...)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
16.2	<i>Định mức máy móc, thiết bị</i>			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02		
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu.	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao.				
16.3	<i>Định mức triển khai</i>				
	Thời gian triển khai	Tháng	≤ 10		
	Tập huấn (lần/điểm)	Lần	01(≤ 30 người/lớp)		
	Hội thảo tổng kết (cuộc/điểm)	Cuộc	01		
	Bảng mô hình (bảng/điểm)	Bảng	01		
	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	Ha	01 cán bộ/mô hình		
17	Mô hình nuôi ghép cá Chép trong ao/hồ (quy mô 01ha)				Căn cứ định mức theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 Bộ Nông nghiệp và PTNT
17.1	<i>Định mức giống, vật tư</i>				
	Giống (quy cách)	Cm/con	Tỷ lệ ghép cá chép ≥ 50%	Cá khỏe mạnh; Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng	

				theo quy định.	
	Mật độ	Con/m ²	3		
	Tỷ lệ sống đến thu hoạch	%	≥70		Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
	Trọng lượng khi thu hoạch	Kg/con	≥0,4		
	Thức ăn (Công nghiệp)		Hàm lượng Protein ≥24%	Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp & PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
	Hệ số tiêu tốn thức (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)ăn	FCR	≤ 1.5		
	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
	Vật tư thiết yếu khác (dụng cụ kiểm tra bệnh, môi trường..)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
17.2	<i>Định mức máy móc, thiết bị</i>			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02		
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu.	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao.				
17.3	<i>Định mức triển khai</i>				
	Thời gian triển khai	Tháng	≤ 10		
	Tập huấn (lần/điểm)	Lần	01(≤ 30 người/lớp)		

	Hội thảo tổng kết (cuộc/điểm)	Cuộc	01		
	Bảng mô hình (bảng/điểm)	Bảng	01		
	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	Ha	01 cán bộ/mô hình		
18	Mô hình nuôi cá Chim trắng trong ao/hồ (quy mô 01ha)				Căn cứ định mức theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 Bộ Nông nghiệp và PTNT
18.1	Định mức giống, vật tư				
	Giống (quy cách)	Cm/con	≥ 4	Cá khỏe mạnh; Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.	
	Mật độ	Con/m ²	2-4		
	Tỷ lệ sống đến thu hoạch	%	≥ 70		Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
	Trọng lượng khi thu hoạch	Kg/con	$\geq 0,8$		
	Thức ăn (Công nghiệp)		Hàm lượng Protein $\geq 25\%$	Trong danh mục được phép SX kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng < 3 tháng.	
	Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	≤ 1.8		
	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường..)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
18.2	Định mức máy móc, thiết bị			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02		

2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu.	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao.				
18.3	<i>Định mức triển khai</i>				
	Thời gian triển khai	Tháng	≤ 10		
	Tập huấn (lần/điểm)	Lần	01(≤ 30 người/lớp)		
	Hội thảo tổng kết (cuộc/điểm)	Cuộc	01		
	Bảng mô hình (bảng/điểm)	Bảng	01		
	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	Ha	01 cán bộ/mô hình		
19	Mô hình nuôi cá Trê trong ao/hồ (quy mô 01ha)				Căn cứ định mức theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 Bộ Nông nghiệp và PTNT
19.1	<i>Định mức giống, vật tư</i>				
	Giống (quy cách)	Cm/con	$\geq 3-5$	Cá khỏe mạnh; Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.	
	Mật độ	Con/m ²	20		
	Tỷ lệ sống đến thu hoạch	%	≥ 70		
	Trọng lượng khi thu hoạch	Kg/con	$\geq 0,3$		
	Thức ăn (Công nghiệp)		Hàm lượng Protein $\geq 18\%$	Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng < 3 tháng.	

	Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	≤ 1.8		
	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường..)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
19.2	Định mức máy móc, thiết bị			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02		
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu...	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao.				
19.3	Định mức triển khai				
	Thời gian triển khai	Tháng	≤ 10		
	Tập huấn (lần/điểm)	Lần	01(≤ 30 người/lớp)		
	Hội thảo tổng kết (cuộc/điểm)	Cuộc	01		
20	Mô hình nuôi cá Tra/Basa trong ao/hồ (quy mô 01ha)				Căn cứ định mức theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 Bộ Nông nghiệp và PTNT
20.1	Định mức giống, vật tư				
	Giống (quy cách)	Cm/con	≥ 2	Cá khỏe mạnh; Nguồn gốc rõ ràng, có giấy	

				chứng nhận chất lượng theo quy định.	
	Mật độ	Con/m ²	≤ 40		
	Tỷ lệ sống đến thu hoạch	%	≥70		Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
	Trọng lượng khi thu hoạch	Kg/con	≥0,9		
	Thức ăn (Công nghiệp)		Hàm lượng Protein ≥22%	Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
	Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	≤ 1.7		
	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
	Vật tư thiết yếu khác (dụng cụ kiểm tra bệnh, môi trường..)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
20.2	<i>Định mức máy móc, thiết bị</i>			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02		
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu.	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao.				
20.3	<i>Định mức triển khai</i>				
	Thời gian triển khai	Tháng	≤ 10		
	Tập huấn (lần/điểm)	Lần	01(≤ 30 người/lớp)		

	Hội thảo tổng kết (cuộc/điểm)	Cuộc	01		
	Bảng mô hình (bảng/điểm)	Bảng	01		
	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	Ha	01 cán bộ/mô hình		
21	Mô hình nuôi cá Nheo Mỹ trong lồng/ bè (quy mô 500m³)				Căn cứ định mức theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 Bộ Nông nghiệp và PTNT
21.1	Định mức giống, vật tư				
	Giống (quy cách)	Cm/con	≥10	Cá khỏe mạnh; Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.	
	Mật độ	Con/m ³	10		
	Tỷ lệ sống đến thu hoạch	%	≥80		Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 Bộ Nông nghiệp và PTNT.
	Trọng lượng khi thu hoạch	Kg/con	≥1,5		
	Thức ăn (Công nghiệp)		Hàm lượng Protein ≥30%	Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
	Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	≤ 2		
	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
	Vật tư thiết yếu khác (testkis bệnh, môi trường..)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
21.2	Định mức máy móc, thiết bị			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02		

2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu.	Bộ	01-02		
5	Hệ thống lồng			Theo quy trình hoặc tiến bộ kỹ thuật được công nhận hoặc chấp thuận, phù hợp với quy mô dự án	
21.3	Định mức triển khai				
	Thời gian triển khai	Tháng	≤ 12		
	Tập huấn (lần/điểm)	Lần	01(≤ 30 người/lớp)		
	Hội thảo tổng kết (cuộc/điểm)	Cuộc	01		
	Bảng mô hình (bảng/điểm)	Bảng	01		
	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	500m ³	01 cán bộ/mô hình		
22	Mô hình nuôi cá Lăng nha trong lồng/ bè (quy mô 500m³)				Căn cứ định mức theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 Bộ Nông nghiệp và PTNT
22.1	Định mức giống, vật tư				
	Giống (quy cách)	Cm/con	≥ 15	Cá khỏe mạnh; Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.	
	Mật độ	Con/m ³	20		
	Tỷ lệ sống đến thu hoạch	%	≥ 80		Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 Bộ Nông nghiệp và PTNT.
	Trọng lượng khi thu hoạch	Kg/con	$\geq 1,5$		
	Thức ăn (Công nghiệp)		Hàm lượng Protein $\geq 35\%$	Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	

	Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	≤ 2		
	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học				
	Vật tư thiết yếu khác (dụng cụ kiểm tra bệnh, môi trường..)				
22.2	<i>Định mức máy móc, thiết bị</i>			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
1	Bơm, xít nước	Bộ/ mô hình	01-02		
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt.	Bộ	01-02		
5	Hệ thống lồng			Theo quy trình/TBKT được công nhận/ chấp thuận, phù hợp với quy mô dự án	
22.3	<i>Định mức triển khai</i>				
	Thời gian triển khai	Tháng	≤ 11		
	Tập huấn (lần/điểm)	Lần	01(≤ 30 người/lớp)		
	Hội thảo tổng kết (cuộc/điểm)	Cuộc	01		
	Bảng mô hình (bảng/điểm)	Bảng	01		
	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	500m ³	01 cán bộ/mô hình		
23	Mô hình nuôi cá Lăng chấm trong lồng/ bè (quy mô 500m³)				Căn cứ định mức theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 Bộ Nông nghiệp và PTNT
23.1	<i>Định mức giống, vật tư</i>				
	Giống (quy cách)	Gram/con	200-300	Cá khỏe mạnh; nguồn gốc rõ ràng, có giấy	

				chứng nhận chất lượng theo quy định	
	Mật độ	Con/m ³	10		
	Tỷ lệ sống đến thu hoạch	%	≥80		Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 Bộ Nông nghiệp và PTNT.
	Trọng lượng khi thu hoạch	Kg/con	≥0,8		
	Thức ăn: - Cá tạp và phối trộn - Thức ăn công nghiệp		- Đảm bảo chất lượng - Hàm lượng Protein ≥28-35%	- Đảm bảo chất lượng; Không pha trộn các chất cấm sử dụng trong nuôi thủy sản; được chế biến và bảo quản đúng quy định. Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT; thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
	Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	- Cá tạp ≤ 4.5 - Thức ăn công nghiệp ≤ 1.7		
	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành	
	Vật tư thiết yếu khác (dụng cụ kiểm tra bệnh, môi trường..)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
23.2	<i>Định mức máy móc, thiết bị</i>			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02		
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu.	Bộ	01-02		
5	Hệ thống lồng			Theo quy trình/TBKT được công nhận/ chấp thuận, phù hợp với quy mô dự án	
23.3	<i>Định mức triển khai</i>				

	Thời gian triển khai	Tháng	≤ 11		
	Tập huấn (lần/điểm)	Lần	01 (≤ 30 người/lớp)		
	Hội thảo tổng kết (cuộc/điểm)	Cuộc	01		
	Bảng mô hình (bảng/điểm)	Bảng	01		
	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	500m ³	01 cán bộ/mô hình		
24	Mô hình nuôi cá Lăng chấm trong ao/hồ (quy mô 01ha)				Căn cứ định mức theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 Bộ Nông nghiệp và PTNT
24.1	Định mức giống, vật tư				
	Giống (quy cách)	Gram/con	200-300	Cá khỏe mạnh; Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.	
	Mật độ	Con/m ²	0,3-0,5		
	Tỷ lệ sống đến thu hoạch	%	≥ 75		Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 Bộ Nông nghiệp và PTNT.
	Trọng lượng khi thu hoạch	Kg/con	$\geq 0,6$		
	Thức ăn: - Cá tạp và phối trộn - Thức ăn công nghiệp		- Đảm bảo chất lượng - Hàm lượng Protein $\geq 28-35\%$	- Đảm bảo chất lượng; Không pha trộn các chất cấm sử dụng trong nuôi thủy sản; Được chế biến và bảo quản đúng quy định. Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
	Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	- Cá tạp ≤ 4.5 - Thức ăn công nghiệp ≤ 1.7		

	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
	Vật tư thiết yếu khác (dụng cụ kiểm tra bệnh, môi trường..)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
24.2	<i>Định mức máy móc, thiết bị</i>			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình			
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	01-02		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu.	Bộ	02-03		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao.		01-02		
24.3	<i>Định mức triển khai</i>				
	Thời gian triển khai	Tháng	≤ 12		
	Tập huấn (lần/điểm)	Lần	01(≤ 30 người/lớp)		
	Hội thảo tổng kết (cuộc/điểm)	Cuộc	01		
	Bảng mô hình (bảng/điểm)	Bảng	01		
	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	Ha	01 cán bộ/mô hình		
25	Mô hình nuôi Lươn trong bể (quy mô $500m^2$)				Căn cứ định mức theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 Bộ Nông nghiệp và PTNT
25.1	<i>Định mức giống, vật tư</i>				
	Giống (quy cách)	Cm/con	≥ 15	Lươn khỏe mạnh; Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất	

				lượng theo quy định.	
	Mật độ	Con/m ²	100		
	Tỷ lệ sống đến thu hoạch	%	≥60		Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
	Trọng lượng khi thu hoạch	Kg/con	≥0,3		
	Thức ăn (Công nghiệp)		Hàm lượng Protein ≥20%	Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
	Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	≤ 4		
	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
	Vật tư thiết yếu khác (dụng cụ kiểm tra bệnh, môi trường..)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
25.2	<i>Định mức máy móc, thiết bị</i>			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình			
2	Hệ thống sục khí	Bộ			
3	Máy phát điện	Mô hình			
4	Dụng cụ: xô, chậu, vợt...	Bộ			
5	Hệ thống bể			Theo quy trình/TBKT được công nhận/ chấp thuận, phù hợp với quy mô dự án	
25.3	<i>Định mức triển khai</i>				
	Thời gian triển khai	Tháng	≤10		
	Tập huấn (lần/điểm)	Lần	01(≤ 30 người/lớp)		
	Hội thảo tổng kết (cuộc/điểm)	Cuộc	01		

	Bảng mô hình (bảng/điểm)	Bảng	01		
	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	500m ³	01 cán bộ/mô hình		
26	Mô hình nuôi cá Chình nước ngọt trong bể (quy mô 500m²)				Căn cứ định mức theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 Bộ Nông nghiệp và PTNT
26.1	Định mức giống, vật tư				
	Giống (quy cách)	Gram/con	≥ 100	Cá khỏe mạnh; Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.	
	Mật độ	Con/m ²	10		
	Tỷ lệ sống đến thu hoạch	%	≥70		Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
	Trọng lượng khi thu hoạch	Kg/con	≥0,8		
	Thức ăn (Cá tạp) Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	≤ 10	- Đảm bảo chất lượng; - Không pha trộn các chất cấm sử dụng trong nuôi thủy sản; Được chế biến và bảo quản đúng quy định.	
	Thức ăn (Công nghiệp) Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	Hàm lượng Protein 38-45% ≤ 2	Hàm lượng protein (theo giai đoạn phát triển của cá); Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
	Vật tư thiết yếu khác (dụng cụ kiểm tra bệnh, môi trường..)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	

26.2	<i>Định mức máy móc, thiết bị</i>			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02		
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: xô, chậu, lưới, vợt..	Bộ	01-02		
5	Hệ thống bể			Theo quy trình/TBKT được công nhận/ chấp thuận, phù hợp với quy mô dự án	
26.3	<i>Định mức triển khai</i>				
	Thời gian triển khai	Tháng	≤12		
	Tập huấn (lần/điểm)	Lần	01(≤ 30 người/lớp)		
	Hội thảo tổng kết (cuộc/điểm)	Cuộc	01		
	Bảng mô hình (bảng/điểm)	Bảng	01		
	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	500m ³	01 cán bộ/mô hình		
27	Mô hình nuôi Tôm càng xanh bán thâm canh trong ao/hồ (quy mô 01ha)				Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
27.1	<i>Định mức giống, vật tư</i>				
	Giống (quy cách)	Cm/con	1-1,3	Con giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
	Mật độ	Con/m ²	10		
	Tỷ lệ sống đến thu hoạch	%	≥50		Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
	Trọng lượng khi thu hoạch	Kg/con	≥0,03		
	Thức ăn: công nghiệp		- Hàm lượng	Trong danh mục được phép sản xuất kinh	

			Protein ≥23-35%	doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
	Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	≤ 2.2		
	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
	Vật tư thiết yếu khác (dụng cụ kiểm tra bệnh, môi trường..)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
27.2	<i>Định mức máy móc, thiết bị</i>			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02		
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01		
4	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	02-04		
5	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét ao...				
27.3	<i>Định mức triển khai</i>				
	Thời gian triển khai	Tháng	≤ 6		
	Tập huấn (lần/điểm)	Lần	01(≤ 30 người/lớp)		
	Hội thảo tổng kết (cuộc/điểm)	Cuộc	01		
	Bảng mô hình (bảng/điểm)	Bảng	01		
	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	Ha	01 cán bộ/mô hình		
28	Mô hình nuôi Tôm càng xanh thâm canh trong ao/hồ (quy mô 01ha)				Quyết định số 3276/QĐ-BNN- KHCV ngày 24/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT

28.1	<i>Định mức giống, vật tư</i>				
	Giống (quy cách)	Cm/con	1-1,3	Con giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
	Mật độ	Con/m ²	15		
	Tỷ lệ sống đến thu hoạch	%	≥50		Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
	Trọng lượng khi thu hoạch	Kg/con	≥0,03		
	Thức ăn: công nghiệp		- Hàm lượng Protein ≥23-35%	Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
	Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	≤ 2.5		
	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
	Vật tư thiết yếu khác (dụng cụ kiểm tra bệnh, môi trường..)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
28.2	<i>Định mức máy móc, thiết bị</i>			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02		
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	04-08		
3	Máy phát điện	Mô hình	01		
4	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	01 - 02		
5	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

28.2	Định mức triển khai				
	Thời gian triển khai	Tháng	≤ 6		
	Tập huấn (lần/điểm)	Lần	01(≤ 30 người/lớp)		
	Hội thảo tổng kết (cuộc/điểm)	Cuộc	01		
	Bảng mô hình (bảng/điểm)	Bảng	01		
	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	Ha	01 cán bộ/mô hình		
29	Mô hình nuôi cá Lăng nha trong ao/hồ(<i>quy mô 01ha</i>)				Tài liệu tham khảo: - Áp dụng Định mức Mô hình nuôi cá lăng chấm trong ao/hồ - Chuyển giao khoa học công nghệ sản xuất cá Lăng giống giữa Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh và Trung tâm Thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Phước, năm 2010. - Nuôi cá Lăng nha trong ao đất (<i>Tạp chí Thủy sản Việt Nam ngày 17/6/2024</i>)
29.1	Định mức giống, vật tư				
	Giống (quy cách)	Cm/con	≥15	Cá khỏe mạnh; Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.	
	Mật độ	Con/m ²	1-2		
	Tỷ lệ sống đến thu hoạch	%	≥75		

	Trọng lượng khi thu hoạch	Kg/con	$\geq 0,6$		
	Thức ăn: - Cá tạp và phối trộn- -Thức ăn công nghiệp		- Đảm bảo chất lượng - Hàm lượng Protein $\geq 28-35\%$	- Đảm bảo chất lượng; - Không pha trộn các chất cấm sử dụng trong nuôi thủy sản; Được chế biến và bảo quản đúng quy định. - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Thời hạn sử dụng < 3 tháng.	
	Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	- Cá tạp ≤ 4.5 - Thức ăn công nghiệp ≤ 1.7		
	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
	Vật tư thiết yếu khác (dụng cụ kiểm tra bệnh, môi trường..)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
29.2	<i>Định mức máy móc, thiết bị</i>			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02		
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu.	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao.				
29.3	<i>Định mức triển khai</i>				
	Thời gian triển khai	Tháng	≤ 12		

	Tập huấn (lần/điểm)	Lần	01(≤ 30 người/lớp)		
	Hội thảo tổng kết (cuộc/điểm)	Cuộc	01		
	Bảng mô hình (bảng/điểm)	Bảng	01		
	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	Ha	01 cán bộ/mô hình		
30	Mô hình nuôi cá Lăng vàng trong ao/hồ (quy mô 01ha)				<p>Tài liệu tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng định mức mô hình nuôi cá lăng chấm trong ao/hồ - Đề tài Bảo tồn nguồn gen các loài giống cá Lăng vàng và Chạch lấu trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2017-2018. - Kỹ thuật nuôi cá Lăng vàng (Trại Thực nghiệm Thủy sản, khoa Thủy sản Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh)
30.1	Định mức giống, vật tư				
	Giống (quy cách)	Cm/con	$\geq 6\text{cm}$	Con giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
	Mật độ	Con/m ²	2-3		
	Tỷ lệ sống đến thu hoạch	%	≥ 75		
	Trọng lượng khi thu hoạch	Kg/con	$\leq 0,6$		
	Thức ăn: - Thức ăn công nghiệp		- Đảm bảo chất lượng	Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT; Thời	

			- Hàm lượng Protein $\geq 28-35\%$	hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
	Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	≤ 2		
	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
	Vật tư thiết yếu khác (dụng cụ kiểm tra bệnh, môi trường..)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
30.2	<i>Định mức máy móc, thiết bị</i>			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02		
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu.	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao.				
30.3	<i>Định mức triển khai</i>				
	Thời gian triển khai	Tháng	≤ 12		
	Tập huấn (lần/điểm)	Lần	01(≤ 30 người/lớp)		
	Hội thảo tổng kết (cuộc/điểm)	Cuộc	01		
	Bảng mô hình (bảng/điểm)	Bảng	01		
	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	Ha	01 cán bộ/mô hình		

31	Mô hình nuôi cá Rô đồng trong bể (quy mô 500m²)				Áp dụng định mức mô hình nuôi cá Rô đồng trong ao có tăng mật độ nuôi
31.1	<i>Định mức giống, vật tư</i>				
	Giống (quy cách)	Con	$\geq 5,1\text{cm/con}$	Con giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
	Mật độ	Con/m ²	150-250		
	Tỷ lệ sống đến thu hoạch	%	≥ 75		
	Trọng lượng khi thu hoạch	Kg/con	$\geq 0,08$		
	Thức ăn (Công nghiệp)		Hàm lượng Protein $\geq 25\%$	Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 03 tháng.	
	Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	≤ 2.0		
	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
	Vật tư thiết yếu khác (testkis bệnh, môi trường..)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
31.2	<i>Định mức máy móc, thiết bị</i>			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02		
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
5	Dụng cụ: xô chậu,	Bộ	01 - 02		
31.3	<i>Định mức triển khai</i>				

	Thời gian triển khai	Tháng	≤ 6		
	Tập huấn (lần/điểm)	Lần	01(≤ 30 người/lớp)		
	Hội thảo tổng kết (cuộc/điểm)	Cuộc	01		
	Bảng mô hình (bảng/điểm)	Bảng	01		
	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	500m ³	01 cán bộ/mô hình		
32	Mô hình nuôi cá Heo nước ngọt trong ao/hồ (quy mô 01ha)				Căn cứ định mức theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 Bộ Nông nghiệp và PTNT
32.1	Định mức giống, vật tư				
	Giống (quy cách)	Cm/con	$\geq 3-5$ (cỡ 200 con/kg)	Con giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
	Mật độ	Con/m ²	15-20		
	Tỷ lệ sống đến thu hoạch	%	≥ 75		
	Trọng lượng khi thu hoạch	Gr/con	≥ 40		
	Thức ăn (Công nghiệp)		Hàm lượng Protein $\geq 35-40\%$	Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
	Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	≤ 2		
	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
	Vật tư thiết yếu khác (dụng cụ kiểm			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	

	tra bệnh, môi trường..)				
32.2	<i>Định mức máy móc, thiết bị</i>			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02		
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu.	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao.				
32.3	<i>Định mức triển khai</i>				
	Thời gian triển khai	Tháng	≤ 10		
	Tập huấn (lần/điểm)	Lần	01(≤ 30 người/lớp)		
	Hội thảo tổng kết (cuộc/điểm)	Cuộc	01		
	Bảng mô hình (bảng/điểm)	Bảng	01		
	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	Ha	01 cán bộ/mô hình		
33	Mô hình nuôi cá Heo nước ngọt trong lồng/bè (quy mô 500m³)				Tài liệu tham khảo: “Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá heo” tại Quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ” (Dự án do Trường Đại học Cần Thơ là cơ quan chủ trì thực hiện, ThS. Nguyễn Thanh Hiệu làm chủ nhiệm. Dự án được Sở Khoa học và Công nghệ Cần Thơ

					nghiệm thu năm 2020)
33.1	Định mức giống, vật tư				
	Giống (quy cách)	Cm/con	$\geq 3-5$ (cỡ 200 con/kg)	Con giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
	Mật độ	Con/m ³	200-300		
	Tỷ lệ sống đến thu hoạch	%	≥ 75		
	Trọng lượng khi thu hoạch	Gr/con	≥ 40		
	Thức ăn (Công nghiệp)		Hàm lượng Protein $\geq 35-40\%$	Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 03 tháng.	
	Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	≤ 2		
	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
	Vật tư thiết yếu khác (dụng cụ kiểm tra bệnh, môi trường..)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
33.2	Định mức máy móc, thiết bị			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
1	Bơm, xít nước	Bộ/ mô hình	01-02		
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt.	Bộ	01-02		
5	Hệ thống lồng			Theo quy trình hoặc tiến bộ kỹ thuật được công nhận hoặc chấp thuận, phù hợp với quy mô dự án	

33.3	Định mức triển khai				
	Thời gian triển khai	Tháng	≤ 10		
	Tập huấn (lần/điểm)	Lần	01 (≤ 30 người/lớp)		
	Hội thảo tổng kết (cuộc/điểm)	Cuộc	01		
	Bảng mô hình (bảng/điểm)	Bảng	01		
	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	500m ³	01 cán bộ/mô hình		
34	Mô hình nuôi cá Hồ trong lồng/bè (quy mô 500m³)				Tài liệu tham khảo: - Áp dụng kết quả nghiên cứu của Viện Nuôi trồng thủy sản II - Nha Trang
34.1	Định mức giống, vật tư				
	Giống (quy cách)	Gram/con	5-20	Con giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
	Mật độ	Con/m ³	3-4		
	Tỷ lệ sống đến thu hoạch	%	≥ 75		
	Trọng lượng khi thu hoạch	Kg/con	≥ 1 (12 tháng)		
	Thức ăn (Công nghiệp)		Hàm lượng Protein $\geq 28-35\%$	Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
	Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	≤ 3.5		
	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
	Vật tư thiết yếu khác (dụng cụ kiểm			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	

	tra bệnh, môi trường..)				
34.2	<i>Định mức máy móc, thiết bị</i>			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
1	Bơm, xít nước	Bộ/ mô hình	01-02		
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt.	Bộ	01-02		
5	Hệ thống lồng			Theo quy trình hoặc tiến bộ kỹ thuật được công nhận hoặc chấp thuận, phù hợp với quy mô dự án	
34.3	<i>Định mức triển khai</i>				
	Thời gian triển khai	Tháng	≤12		
	Tập huấn (lần/điểm)	Lần	01(≤ 30 người/lớp)		
	Hội thảo tổng kết (cuộc/điểm)	Cuộc	01		
	Bảng mô hình (bảng/điểm)	Bảng	01		
	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	500m ³	01 cán bộ/mô hình		
35	Mô hình nuôi cá Hồ trong ao/hồ (quy mô 01ha)				Tài liệu tham khảo: - Áp dụng kết quả nghiên cứu của Viện Nuôi trồng thủy sản II - Nha Trang
35.1	<i>Định mức giống, vật tư</i>				
	Giống (quy cách)	Gram/con	5-20	Con giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
	Mật độ	Con/m ²	0,5		
	Tỷ lệ sống đến thu hoạch	%	≥75		

	Trọng lượng khi thu hoạch	Gr/con	1-1,5kg/con (12 tháng)		
	Thức ăn (Công nghiệp)		Hàm lượng Protein $\geq 28-32\%$	Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 03 tháng.	
	Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	≤ 3.5		
	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
	Vật tư thiết yếu khác (dụng cụ bệnh, môi trường..)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
35.2	<i>Định mức máy móc, thiết bị</i>			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02		
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu.	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao.				
35.3	<i>Định mức triển khai</i>				
	Thời gian triển khai	Tháng	≤ 12		
	Tập huấn (lần/điểm)	Lần	01(≤ 30 người/lớp)		
	Hội thảo tổng kết (cuộc/điểm)	Cuộc	01		
	Bảng mô hình (bảng/điểm)	Bảng	01		

	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	Ha	01 cán bộ/mô hình		
36	Mô hình nuôi cá Tai tượng trong ao/hồ (quy mô 01ha)				Tài liệu tham khảo: - <i>Kinh nghiệm nuôi cá Tai tượng thương phẩm</i> (Báo Khuyến nông Hậu Giang ngày 01/11/2021)
36.1	Định mức giống, vật tư				
	Giống (quy cách)	Cm/con	≥10	Con giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
	Mật độ	Con/m ²	3-5		
	Tỷ lệ sống đến thu hoạch	%	≥75		
	Trọng lượng khi thu hoạch	Kg/con	0,5- 0,6kg/con (12 tháng)		
	Thức ăn (Xanh, Công nghiệp)		hàm lượng Protein ≥28-32%	Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT; thời hạn sử dụng dưới 03 tháng.	
	Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	≤2.0		
	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
	Vật tư thiết yếu khác (dụng cụ kiểm tra bệnh, môi trường..)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
36.2	Định mức máy móc, thiết bị			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02		

2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu.	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao.				
36.2	<i>Định mức triển khai</i>				
	Thời gian triển khai	Tháng	≤ 12		
	Tập huấn (lần/điểm)	Lần	01(≤ 30 người/lớp)		
	Hội thảo tổng kết (cuộc/điểm)	Cuộc	01		
	Bảng mô hình (bảng/điểm)	Bảng	01		
	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	Ha	01 cán bộ/mô hình		
37	Mô hình nuôi cá Chạch lấu trong giai (vèo)/bể (quy mô 500m²)				<p>Tài liệu tham khảo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề tài Bảo tồn nguồn gen các loài giống cá Lăng vàng và Chạch lấu trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2017-2018 - Hiệu quả mô hình nuôi cá chạch lấu trong vèo đặt trong ao đất có sử dụng hệ thống sục khí Nano (Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh An Giang, ngày 15/11/2020)
37.1	<i>Định mức giống, vật tư</i>				
	Giống (quy cách)	Cm/con	≥ 10	Con giống khỏe mạnh;	

				Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
	Mật độ	Con/m ²	10-35		
	Tỷ lệ sống đến thu hoạch	%	≥60		
	Trọng lượng khi thu hoạch	Kg/con	0,3 (9-12 tháng)		
	Thức ăn (Công nghiệp)		Hàm lượng Protein ≥35-40%	Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT; thời hạn sử dụng dưới 03 tháng.	
	Hệ số tiêu tốn thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	≤ 3.5		
	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.	
	Vật tư thiết yếu khác (dụng cụ bệnh, môi trường..)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
37.2	<i>Định mức máy móc, thiết bị</i>		01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
1	Bơm, xịt nước	Bộ/ mô hình	02-04		
2	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt.	Bộ	01-02		
5	Hệ thống giai, bể			Theo quy trình hoặc tiến bộ kỹ thuật được công nhận hoặc chấp thuận, phù hợp với quy mô dự án	
37.3	<i>Định mức triển khai</i>				
	Thời gian triển khai	Tháng	≤12		
	Tập huấn (lần/điểm)	Lần	01(≤ 30 người/lớp)		

	Hội thảo tổng kết (cuộc/điểm)	Cuộc	01		
	Bảng mô hình (bảng/điểm)	Bảng	01		
	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	500m ³	01 cán bộ/mô hình		
38	Mô hình nuôi các dòng cá Chép cảnh trong bể, ao				Căn cứ định mức theo Quyết định số 726/QĐ- BNN-KN ngày 24/02/2022 Bộ Nông nghiệp và PTNT
38.1	<i>Yêu cầu chung</i>				
1	Đối tượng			Các dòng cá chép cảnh	
2	Quy mô	m ²	10-1.000	từ 01 đến 02 tổ chức, cá nhân	
3	Kỹ thuật, công nghệ			Công nghệ nuôi áp dụng quy trình nuôi cá Chép Nhật, thực hành quản lý tốt trong sản xuất cá cảnh,	
4	Yêu cầu về kỹ thuật			Sản phẩm đủ tiêu chuẩn xuất khẩu, năng suất thu hoạch, tỷ lệ tuyển chọn 10/50	
5	Thời gian thực hiện			≤ 06 tháng	
38.2	<i>Định mức giống, vật tư (tính cho 1.000m²)</i>				
1	Giống (quy cách)	Cm/con	≥6cm	Cá khỏe mạnh	
2	Mật độ	Con/m ²	- Nuôi ao (4- 5con/m ²); - Nuôi bể (50-100 con/m ²)		
3	- Thức ăn công nghiệp - Hệ số thức ăn (FCR - Feed Conversion Ratio, Feed Conversion Rate)	FCR	Hàm lượng Protein 20- 40%; ≤1.8	Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT; thời hạn sử dụng dưới 03 tháng.	

4	Máy bơm	Cái	01	Động cơ 1-1,5HP	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Bộ KIT kiểm tra môi trường	Bộ	01	Kiểm tra được các yếu tố DO, NH ₃ , pH, H ₂ S...	
38.3	Định mức triển khai				
	Thời gian triển khai	Tháng	≤6		
	Tập huấn (lần/điểm)	Lần	01(≤ 30 người/lớp)		
	Hội thảo tổng kết (cuộc/điểm)	Cuộc	01		
	Bảng mô hình (bảng/điểm)	Bảng	01		
	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.	500m ³	01 cán bộ/mô hình		

39. Mô hình tuần hoàn cá rau (mô hình Aquaponis)

Tài liệu tham khảo:

- Hoàn thiện quy trình và xây dựng mô hình Aquaponis (Nuôi trồng thủy sản tuần hoàn nước và trồng rau sạch tiết kiệm nước ở đồng bằng sông Cửu Long) trên Báo điện tử Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia - Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 07/02/2024; Đề tài (Mã số 19506/2021) tại Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ quốc gia.
- Mô hình Aqua ponis quy mô nhỏ cho hộ gia đình (Báo điện tử Tép bạc ngày 08/9/2021)

39.1. Vật dụng cần thiết cho mô hình Aquaponics cơ bản

- Khay nhựa chịu được nhiệt và tia cực tím
- Đất nung (sỏi nhẹ) đựng trong khay nhựa làm giá thể trồng cây.
- Máy bơm bể cá có lưu lượng bơm phù hợp.
- Máy sục oxy bể cá
- Bộ lọc cơ học, lọc nước bể cá
- Cá giống, hạt giống và dụng cụ ươm hạt.
- Ống dẫn nước, lưới che nắng, hệ thống phun sương (nếu cần).
- Bể chứa nước và nuôi cá. Có thể sử dụng bể nhỏ bằng nhựa hoặc bể xi măng.
- Dụng cụ đo nhiệt độ, pH nước và dụng cụ khác.

(có thể biến đổi tùy diện tích và phương pháp aquaponics)

39.2. Yêu cầu chung

STT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Đối tượng	Cá: Rôphi, Rô đồng, chép, trê... Rau ăn lá (xà lách, rau cải, rau muống, rau dền, rau ăn lá khác)

2	Quy mô	16 m ² /1 tổ chức, cá nhân
3	Kỹ thuật, công nghệ ứng dụng	Sử dụng hệ thống tuần hoàn khép kín, nước nuôi cá được bơm lên hệ thống giá thể trồng rau và quay trở lại bể cá
4	Yêu cầu về kỹ thuật	Sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn; đạt 300 gram/con đối với cá và 100-150 kg rau/vụ
5	Thời gian thực hiện	05 tháng

39.3. Các hạng mục bắt buộc

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Yêu cầu	Chỉ tiêu kỹ thuật	Ghi chú
I	Điều kiện hệ thống và thiết bị				
	Hệ thống (16m ²)	cái	01	<p>- 01 bể nuôi cá và 3 hệ thống phụ trồng rau thủy canh</p> <p>- Tổng diện tích thực hiện 16 m², trong đó, diện tích trồng rau 4,56 m² (<i>Diện tích sử dụng trồng rau thủy canh sử dụng kỹ thuật màng dinh dưỡng (NFT) 03 m², 1,2 m² sử dụng cho Grow Bed (GB) và 0,36 m² sử dụng cho hệ thống bể trồng nước sâu (DWC)</i>); tổng khối lượng nước tuần hoàn trong hệ thống là 1,8 m³.</p>	
1	Bể cá, bể lắng	cái	01	Bể cá là loại nhựa nguyên sinh hình khối, thể tích 1,2 m ³ (1,0 m x 1,2 m x 1,0 m), với lỗ 0,7 m x 0,7 m được cắt phía trên bể. Hai tấm lưới được đặt trên để tránh cá nhảy ra khỏi bể và 1 tấm để che nắng. Oxy hòa tan trong nước được đảm bảo bằng một máy bơm không khí 5w với lưu lượng 0,48 m ³ /1h. Lượng nước trong bể được duy trì ở mức 0,95 m ³ . Bể cá được nối thông qua một ống PVC 50 mm với một bể lắng, thể tích 0,45 m ³ (thân hình trụ và đáy hình nón có van xả chất thải). Nước từ bể cá đi vào bể lắng với ống elbow giúp nước chuyển động tròn tạo để chất thải rắn lắng xuống, đồng thời nước sạch chảy ngược lên trên.	
2	Hệ thống màng dinh dưỡng (NFT- Nutrient film technique)	cái	1	NFT được bố trí 5 ống PVC (dài: 5 m; đường kính: 0,11 m; khoảng cách giữa 2 ống cách nhau: 0,11 m) được đặt trên các khối bê tông có độ dốc 1%; mỗi ống có 12 lỗ với đường kính 0,05 m, cách nhau 0,25 m.	

3	Hệ thống khay lọc sinh học (GB-Grow Bed)	cái	1	Grow Bed (GB) chứa các hạt đất sét nung hoạt động đồng thời như một bộ lọc sinh học vi khuẩn và như một hệ thống phụ thủy canh	
4	Hệ thống nuôi trồng thủy sản nước sâu (DWC- Deep Water Culture)	cái	1	Hệ thống bể trồng nước sâu (DWC) bể giúp rễ của cây trồng chìm hoàn toàn trong dung dịch nước và chất dinh dưỡng	

39.4. Phần giống, vật tư: Tính cho 16m² hệ thống (1,2m³ bể cá)

TT	Hạng mục	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Giống: * Cá: rô phi, điêu hồng, rô đồng, trê, chép... - Quy cỡ: > 5 cm/con. - Mật độ 200-250 con/m ³ - Tỷ lệ sống ≥ 75% * Rau: rau ăn lá (xà lách, rau cải, rau muống, rau dền, rau ăn lá khác)	Con	240	- Nguồn gốc rõ ràng; - Cá khỏe mạnh; - Có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	- Thức ăn công nghiệp - Hệ số tiêu tốn thức ăn	FCR	≤ 1.6	- Đảm bảo chất lượng - Hàm lượng Protein ≥ 28-32% - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thời hạn sử dụng ≤ 03 tháng

39.5. Phần triển khai

TT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	≤ 6	
2	Tập huấn (lần/điểm)	Lần	01	Ngày/lần (≤ 30 người/lớp)
3	Hội thảo tổng kết (cuộc/điểm)	Cuộc	01	Ngày/cuộc
4	Bảng mô hình (bảng/điểm)	Bảng	01	
5	01 cán bộ chỉ đạo phụ trách mô hình	Ha	≥ 01	01 cán bộ/mô hình